

Bản án số: 33/2017/HSST.

Ngày: 19/12/2017

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KBANG -TỈNH GIA LAI
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :

- **Thẩm phán, Chủ tọa phiên toà:** Bà Nguyễn Thị Hồng Phương.

- **Các Hội thẩm nhân dân:**

1. Bà Võ Thị Cảnh;

Nghề nghiệp, nơi công tác: Cán bộ hưu trí thị trấn Kbang.

2. Ông Đinh Văn Vinh;

Nghề nghiệp, nơi công tác: Chủ tịch Hội nông dân xã Kông Long Khong.

- **Thư ký phiên toà:** Bà Phạm Thị Tố Uyên – Thư ký TAND huyện K.

- **Đ diện VKSND huyện Kbang tham gia phiên toà:** Ông Nguyễn Ngọc Khanh - Kiểm sát viên.

Trong ngày 19/12/2017, tại Hội trường xét xử TAND huyện Kbang, TAND huyện Kbang, tỉnh Gia Lai, mở phiên toà công khai xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 30/2017/HS-ST ngày 16/11/2017 đối với bị cáo:

Ma Thịnh H – tên gọi khác: Không; sinh ngày 15/01/1998 tại K, Gia Lai; nơi ĐKKHKT: Tổ dân phố 19, thị trấn K, huyện K, tỉnh Gia Lai; trình độ học vấn: 6/12; nghề nghiệp: Không; tiền sự: Không; tiền án: Có 02 tiền án về tội trộm cắp tài sản (Ngày 08/4/2015 bị TAND huyện K, tỉnh Gia Lai xử phạt 10 tháng tù theo bản án số 10/2015/HSST và ngày 23/8/2016 bị TAND huyện K, tỉnh Gia Lai xử phạt 12 tháng tù theo bản án số 21/2016/HSST, đã chấp hành xong cả 02 bản án, chưa được xóa án tích). Con ông Ma Thịnh Ha và bà Hoàng Thị N.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 01/9/2017 cho đến nay, có mặt tại phiên tòa.

***Người bị hại:** Anh Đinh Văn H, sinh năm 1997 (*vắng mặt*);

Địa chỉ: Làng N, thị trấn K, huyện K, tỉnh Gia Lai.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Anh Dương H1, sinh năm 1997 (*có mặt*);

Địa chỉ: Thôn 2, xã Nghĩa An, huyện K, tỉnh Gia Lai.

2. Anh Nguyễn Công N, sinh năm 1996 (*có mặt*);

Địa chỉ: Thôn 1, xã Đăk HLơ, huyện K, tỉnh Gia Lai.

NHẬN THẤY

Bị cáo bị VKSND huyện K truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Khoảng 14 giờ ngày 24/8/2017 Ma Thịnh H đi bộ từ nhà tại tổ dân phố 19, thị trấn K đến nhà ông Diệp ở làng N, thị trấn K chơi. Tại đây H gặp anh Đình Văn H (trú tại làng N, thị trấn K) lúc đó H đi 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Boss, biển số 81H1 – 022.19 đến. Do có quen biết với nhau từ trước H đã rủ H cùng về nhà bà ngoại của mình tên Trịnh Thị T ở tổ dân phố 19, thị trấn K chơi. H đồng ý và đã chở H đi tới nhà bà T, tới nơi H đã mượn xe mô tô của H đi chơi lòng vòng trong thị trấn K, còn H nằm ngủ. Khoảng 16 giờ, H đi chơi về, thì cả H người chở nhau sang nhà H chơi. Cho đến khoảng 18 giờ cùng ngày H bảo H chở H đi mua điện thoại ở cửa hàng Lê N - đường P, tổ dân phố 2, thị trấn K. H chở H đến cửa hàng, đỗ xe ở ngoài rồi cả H cùng vào bên trong, H hỏi mua điện thoại di động loại cảm ứng, chủ tiệm nói giá 1.800.000 đồng, H chỉ có 300.000 đồng nên không mua nữa. Lúc này, H nảy sinh ý định chiếm đoạt chiếc xe mô tô của anh H để bán lấy tiền tiêu xài cá nhân.

H đã nói dối H là: “Cho mình mượn xe đi xuống đây mượn tiền để mua điện thoại, bạn đứng chờ, mình quay lại ngay”. H đồng ý rồi đưa chìa khóa và giao xe cho H. H điều khiển xe mô tô đi trốn tại Công viên văn hóa huyện K. H chờ khoảng 30 phút không thấy H quay lại đã đi bộ về nhà mình. H chơi tại công viên cho đến 23 giờ thì về nhà ngủ. Đến hôm sau H tiếp tục sử dụng xe của H đi lại trong thị trấn K. Ngày 26/8/2017 H đưa xe đến tiệm sửa xe của anh Đ ở tổ dân phố 18, thị trấn K để bán xe, H nói với anh Đ là có mua xe mô tô không H bán cho. Anh Đ trả lời là không mua. Lúc này có anh Dương H1 (trú tại thôn 1, xã Nghĩa An) là bạn của H đang làm thợ sửa xe cho anh Đ nghe thấy sự việc trên tường là xe của H cần bán, nên khi H điều khiển xe quay về thì H1 đã đi theo đến trước trường tiểu học Kim Đồng. H1 hỏi H bán xe bao nhiêu? H trả lời là: 3.000.000 đồng (Ba triệu tròn). H1 nói bớt một ít, H đồng ý bớt 500.000 đồng, H1 nói để gọi bạn của H1 đến mua. Sau đó H1 gọi điện cho Nguyễn Công N (trú tại thôn 1 xã Đ) đến gặp H1, khi N đến thì H1 chở N đến gặp H để xem mua xe, xem xong N hỏi giấy tờ của xe đâu? Thì H trả lời là cà vẹt xe đã bị mất. N đồng ý mua với giá 3.000.000 đồng và hẹn sáng mai sẽ mang tiền đến để mua. Đến khoảng 9 giờ sáng ngày 27/8/2017, H cùng H1 đến quán nước ở đầu cầu Mới thuộc tổ dân phố 3, thị trấn K gặp N để giao xe và nhận tiền. Tại đây N đã đưa cho H đủ số tiền 3.000.000 đồng rồi lấy xe đi luôn. H cầm tiền đưa cho H1 500.000 đồng, uống nước xong H1 chở H đi về.

Người bị hại là anh Đình Văn H cho H mượn xe mà không thấy trả lại, ngày hôm sau và các ngày tiếp theo đã nhiều lần đi đến nhà H để tìm đòi lại xe nhưng không gặp được H. Đến ngày 31/8/2017 gặp được H, anh H hỏi đòi lại xe, thì H nói là đã bán cho người khác mất rồi, anh H đã làm đơn tố giác đến cơ quan Điều tra Công an huyện K. Nhận được tin báo cơ quan điều tra đã tiến hành bắt khẩn cấp

đối với Ma Thịnh H, xác minh thu giữ vật chứng, khởi tố vụ án, khởi tố bị can điều tra, xử lý.

Tại bản kết luận số: 32/KL ngày 01/9/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện K xác định chiếc xe mô tô biển số 81H1 - 022.19 do bị cáo chiếm đoạt có giá trị là 3.800.000 đồng (*Ba triệu tám trăm ngàn đồng*). Trong quá trình giải quyết vụ án, người bị hại có đơn xin nhận lại xe để làm phương tiện đi lại, cơ quan CSĐT Công an huyện K đã xử lý vật chứng trả lại cho người bị hại là anh Đinh Văn H.

Tại Bản cáo trạng số: 29/CTr-VKS ngày 15/11/2017, VKSND huyện K đã truy tố Ma Thịnh H, về tội: "*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*" theo quy định tại khoản 1 Điều 139 BLHS.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa và trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ, ý kiến của kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

XÉT THẤY

Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo Ma Thịnh H khai nhận: Chiều ngày 24/8/2017, H đi bộ đến làng N, thị trấn K chơi thì gặp anh Đinh Văn H; đến khoảng 16 giờ cùng ngày H điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Boss biển số: 81H1 – 022.19 của mình chở H từ làng N về nhà H ở tổ dân phố 19, thị trấn K chơi; đến khoảng 18 giờ cùng ngày H bảo H chở H đi mua điện thoại ở cửa hàng Lê N - đường P, TDP 2, thị trấn K. H chở H đến cửa hàng, đỗ xe ở ngoài cả H cùng vào bên trong, H hỏi mua điện thoại di động loại cảm ứng, chủ tiệm nói giá 1.800.000 đồng, không đủ tiền nên H không mua nữa. Lúc này, H nảy sinh ý định chiếm đoạt chiếc xe mô tô của anh H để bán lấy tiền tiêu xài cá nhân. H đã nói dối anh H với nội dung là: *Cho mình mượn xe đi xuống đây mượn tiền để mua điện thoại, mình quay lại ngay*. Nghe vậy, anh H tin là thật nên đã đồng ý giao chìa khóa và xe cho H, H nhận được xe mô tô đã điều khiển xe trốn đi nơi khác rồi chiếm đoạt luôn.

Đến ngày 26/8/2017, H đưa xe đi tìm người mua để bán, anh Dương H1 có quen biết với H tưởng là xe của H cần bán, nên đã giới thiệu cho anh Nguyễn Công N đến xem xe để mua, anh N đã mua chiếc xe trên với giá 3.000.000 đồng về làm phương tiện đi lại trong gia đình. Sau khi nhận tiền, H đã đưa cho anh H1 500.000 đồng, còn lại 2.500.000 đồng H đã sử dụng vào việc ăn uống, tiêu xài cá nhân hết.

Xét lời KH nhận tội của bị cáo Ma Thịnh H tại phiên tòa là phù hợp với lời KH của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan; đồng thời cũng phù hợp với các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Hành vi chiếm đoạt tài sản là 01 chiếc xe mô tô của người bị hại BKS 81H1 – 022.19 có giá trị là 3.800.000 đồng bằng thủ đoạn gian dối của bị cáo đã phạm vào tội "*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*" theo quy định tại khoản 1 Điều 139 BLHS mà VKSND huyện K truy tố bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

Tại phiên tòa, Đại diện VKSND huyện K vẫn giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”; đồng thời đề nghị HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 139; Điều 33; các điểm g, p khoản 1 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự, đề nghị xử phạt Ma Thịnh H từ 02 năm đến 02 năm sáu tháng tù.

Về trách nhiệm dân sự: Đề nghị HĐXX buộc bị cáo pH1 bồi thường cho anh Nguyễn Công N số tiền là 2.500.000 đồng.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng khoản 2 Điều 41 BLHS, khoản 2 Điều 76 BLTTHS, đề nghị HĐXX tuyên trả lại 500.000 đồng do anh H1 giao nộp cho anh Nguyễn Công N.

Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí HSST và DSST theo quy định.

Bị cáo không tranh luận gì với Đ diện Viện kiểm sát và xin HĐXX giảm nhẹ hình phạt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến tranh luận.

Qua ý kiến luận tội của đại diện VKS đã đề nghị hướng xử lý vụ án. Sau khi xem xét nhân thân của bị cáo, đánh giá tính chất mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội, cũng như xem xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ TNHS đối với bị cáo, HĐXX thấy rằng: Ma Thịnh H là người đã thành niên có đầy đủ năng lực và sức khỏe để nhận thức hành vi của mình. Bị cáo có nhân thân xấu: Ngày 08/4/2015 bị TAND huyện K xử phạt 10 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo bản án số 10/2015/HSST, đã chấp hành xong bản án chưa được xóa án tích. Ngày 23/8/2016 bị cáo tiếp tục phạm tội “Trộm cắp tài sản”, tuy giá trị tài sản dưới 2.000.000 đồng nhưng do chưa được xóa án tích mà còn vi phạm nên đã bị TAND huyện K, tỉnh Gia Lai xử phạt 12 tháng tù theo bản án số 21/2016/HSST, đã chấp hành xong bản án, chưa được xóa án tích. Tiếp tục đến ngày 24/8/2017 bị cáo lại chiếm đoạt xe mô tô của anh Đinh Văn H. Như vậy, bị cáo đã có 02 tiền án về tội “*Trộm cắp tài sản*” nhưng bị cáo vẫn không thức tỉnh, ăn năn hối cải để tu dưỡng, rèn luyện bản thân trở thành người tốt có ích cho xã hội. Mới vừa ra tù hơn 03 tháng bị cáo lại tiếp tục phạm tội, lợi dụng lòng tin của người bị hại mà chiếm đoạt tài sản của họ, qua đó thấy rõ ý thức coi thường pháp luật của bị cáo. Lỗi phạm tội này của bị cáo thuộc trường hợp tái phạm, đây là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm g khoản 1 Điều 48 BLHS.

Hành vi phạm tội của bị cáo là hành vi nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm trực tiếp đến tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an trên địa bàn, thể hiện ý thức coi thường pháp luật. Vì vậy, cần thiết phải xử phạt bị cáo hình phạt tù giam nghiêm khắc, cách ly bị cáo ra ngoài cộng đồng xã hội một thời gian để có điều kiện cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành người lương thiện và nâng cao hiệu quả phòng ngừa chung.

Song cũng xét quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo và ăn năn hối cải. Tài sản mà bị cáo chiếm đoạt đã được trả cho người bị hại, người bị hại không có yêu cầu gì thêm. Do đó hành vi phạm tội của bị cáo gây thiệt hại không lớn. Đây là những tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm g, p khoản 1 Điều 46 BLHS. Do vậy, HĐXX cũng đã cân nhắc để giảm nhẹ một phần hình phạt áp dụng đối với bị cáo.

Liên quan trong vụ án còn có anh Dương H1 là người đã giới thiệu cho H bán chiếc xe mô tô biển số 81H1 – 022.19 cho anh N, sau khi bán được xe, H đã cho anh H1 số tiền 500.000 đồng. Anh H1 không biết chiếc xe mô tô trên là do H chiếm đoạt trái phép của người khác mà có. Khi làm việc với cơ quan điều tra anh H1 đã tự nguyện giao nộp số tiền 500.000 đồng. Hành vi của anh H1 không cấu thành tội phạm nên cơ quan điều tra không xử lý đối với anh là đúng pháp luật. Tại phiên tòa, HĐXX xem xét anh với vai trò là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

Liên quan trong vụ án còn có anh Nguyễn Công N là người mua xe mô tô biển số 81H1 – 022.19 do bị cáo bán, khi mua anh N không biết chiếc xe mô tô là tài sản do H chiếm đoạt trái phép của người khác mà có. Anh N đã tự giác giao nộp chiếc xe cho cơ quan điều tra để xử lý và yêu cầu H trả lại cho anh số tiền là 3.000.000 đồng. Hành vi của anh N không cấu thành tội phạm nên cơ quan điều tra không xử lý đối với anh là đúng pháp luật. Tại phiên tòa, HĐXX xem xét anh với vai trò là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

Về trách nhiệm dân sự: Sau khi nhận của anh Nguyễn Công N số tiền từ việc bán xe chiếm đoạt của anh Đinh Văn H là 3.000.000 đồng, bị cáo đã cho anh Dương H1 số tiền là 500.000 đồng, anh H1 đã tự nguyện giao nộp cho cơ quan điều tra số tiền trên. Còn lại số tiền 2.500.000 đồng bị cáo đã sử dụng vào việc ăn uống, tiêu xài cá nhân hết, nên không thu hồi được. Tại phiên tòa, anh N có yêu cầu bị cáo trả lại cho anh số tiền mà bị cáo đã nhận là 3.000.000 đồng và không có yêu cầu gì thêm. Vì vậy, số tiền anh H1 tự nguyện giao nộp (500.000 đồng) cần giao lại cho anh Nguyễn Công N. Bị cáo còn pH1 bồi thường cho anh Nguyễn Công N số tiền là 2.500.000 đồng.

Về xử lý vật chứng: Đối với số tiền 500.000 đồng do anh Dương H1 giao nộp cần được giao lại cho anh Nguyễn Công N.

Về án phí: Bị cáo pH1 chịu án phí HSST và DSST theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố bị cáo **Ma Thịnh H** - tên gọi khác: Không, phạm tội: ***“Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”***.

+ Áp dụng khoản 1 Điều 139, Điều 33; điểm g, p khoản 1 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự:

Xử phạt bị cáo **Ma Thịnh H 24** (*H mười tư*) **tháng tù**, thời hạn tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ, tạm giam (*ngày 01/9/2017*).

- **Về xử lý vật chứng:** Áp dụng khoản 2 Điều 41 Bộ luật Hình sự và khoản 2 Điều 76 Bộ luật Tố tụng hình sự:

Tuyên trả số tiền 500.000 đồng do anh H1 giao nộp cho anh Nguyễn Công N.

(Đặc điểm cụ thể vật chứng nói trên theo Biên bản giao nhận vật chứng ngày 18/12/2017 giữa Công an huyện K và Chi cục Thi hành án dân sự huyện K).

- **Về trách nhiệm dân sự:** Áp dụng khoản 1 Điều 42 Bộ luật hình sự; các Điều 585 và 589 Bộ luật Dân sự:

Buộc bị cáo Ma Thịnh H pH1 bồi thường cho anh Nguyễn Công N số tiền: 2.500.000 đồng (*Hai triệu năm trăm ngàn đồng chẵn*).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự (LTHADS) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, và 9 LTHADS; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 LTHADS.

- **Về án phí:** Áp dụng khoản 2 Điều 99 Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án:

Buộc bị cáo Ma Thịnh H phải chịu 200.000 đồng án phí HSST và 300.000 đồng án phí DSST.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị cáo và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo đề nghị TAND tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm. Thời hạn trên đối với người bị hại vắng mặt tại phiên tòa được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:
-TAND tỉnh.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

- VKSND huyện.
- Công an huyện.
- Bị cáo.
- Người bị hại.
- Người có QLNVLQ.
- Chi cục THADS huyện.
(Khi án có HLPL).
- Lưu HSVA, VPTA.

Nguyễn Thị Hồng Phương

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN TP. CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:

THẨM

- TAND tỉnh.
- VKSND huyện.
- Công an huyện.
- Bị cáo.
- Người bị hại.
- Người có QLNVLQ.
- Chi cục THADS huyện.
- (Khi án có HLPL).
- Lưu HSVA, VPTA.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Hồng Phương

Nơi nhận:

THẨM

- TAND tỉnh.
- VKSND huyện.
- Công an huyện.
- Bị cáo.
- Người bị hại.
- THADS huyện.
- (Khi án có HLPL).
- Lưu HSVA, VPT.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

Lê Đình Lai

